

TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2026/DS-PT
Ngày 08-01-2026
V/v: Trách nhiệm bồi thường của Nhà
nước trong lĩnh vực quản lý hành chính

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Thu Hương

Các Thẩm phán: Ông Ngô Mạnh Cường
Ông Đặng Văn Ý

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Châu Loan - Thư ký Tòa phúc thẩm
Toà án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm Viện kiểm sát
nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn
Văn Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối
cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý
số: 240/2025/TLPT-DS ngày 25 tháng 10 năm 2025 về việc “Trách nhiệm bồi
thường của Nhà nước trong lĩnh vực quản lý hành chính”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2025/DS-ST ngày 09 tháng 5 năm 2025
của Toà án nhân dân thành phố Cần Thơ bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2232/2025/QĐ-PT ngày
12 tháng 12 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 267/2025/QĐH-PT ngày
31 tháng 12 năm 2025; Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số:
3792/2025/QĐ-PT ngày 31 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

- Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1968 (vắng mặt);
- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1964 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: C Khu V, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ (Nay là
312F3/2 Khu vực 5, phường T, thành phố Cần Thơ).

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Huỳnh Nhật H1, sinh năm 2003; địa
chỉ: Số A đường N, phường B, thành phố Cần Thơ (Giấy uỷ quyền ngày
06/01/2026).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Phạm Hồng D là Luật sư của Công ty TNHH D1, thuộc Đoàn Luật sư thành phố C; địa chỉ: Số A đường N, phường B, thành phố Cần Thơ (có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ủy ban nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T; địa chỉ: Số E đường C, phường T, thành phố Cần Thơ (xin vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị T là nguyên đơn trong vụ án.

- *Kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 11 năm 2022 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị T trình bày rằng: ông bà là chủ quyền sử dụng đất diện tích 593m², tại thửa 25, tờ bản đồ số 30 địa chỉ Khu V, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân quận N cấp ngày 01/9/2010. Ngày 31/5/2013, nguyên đơn có chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn Đức H2 và bà Huỳnh Thị Ú một phần diện tích nêu trên, đồng thời giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn T1 để làm thủ tục đăng ký sang tên cho ông H2 và bà Ú. Tuy nhiên, ông T1 đã giả mạo chữ ký, chữ viết của ông H, bà T làm Tờ cam kết đề ngày 11/7/2013 để chấp nhận bỏ 92,2m² đất còn lại của nguyên đơn thành lối đi và được ông Mai Văn H3 (phó chủ tịch UBND phường A) xác nhận nội dung nêu trên là đúng. Từ đó, UBND quận N đã điều chỉnh phần diện tích 92,2m² đất còn lại của nguyên đơn thành đường đi (theo GCNQSD đất số vào sổ cấp GCN: CH 08701 cấp ngày 05/9/2013). Nguyên đơn đã tố cáo hành vi trái pháp luật của ông Mai Văn H3 đến Chủ tịch UBND quận N. Đến ngày 20/10/2017, Chủ tịch UBND quận N có Thông báo kết quả giải quyết tố cáo, trong đó kết luận hành vi xác nhận trái pháp luật của ông Mai Văn H3 là có cơ sở, nhưng lại cho rằng việc cắt bỏ lối đi là thủ tục bắt buộc nếu nguyên đơn muốn chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho người khác. Sau đó, nguyên đơn tiếp tục có đơn kiến nghị Chủ tịch UBND quận N công nhận phần đất còn lại cho nguyên đơn thì ngày 04/7/2018, Chủ tịch UBND quận N ban hành Công văn số 2569/UBND-TD theo đó cho rằng nguyên đơn buộc phải mở lối đi cho các hộ dân phía sau khi chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 rồi từ đó không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Do vậy, nguyên đơn đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy bỏ Công văn 2569; buộc UBND quận N thực hiện thủ tục thu hồi, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với phần đất diện tích 74,3m² theo quy định của Luật đất đai và buộc UBND quận N công nhận phần đất 18,8m² cho nguyên đơn. Đến ngày 30/9/2020 Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tuyên xử như sau:

- Hủy Công văn số 2569 ngày 04/7/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N;

- Trong phần diện tích 92,2m² còn lại theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02052 ngày 01/9/2010 do Ủy ban nhân dân quận N cấp cho ông Nguyễn Văn H:

+ Buộc UBND quận N thực hiện thủ tục thu hồi phần đất có diện tích 74,3m² và thực hiện thủ tục bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định của Luật đất đai;

+ Buộc UBND quận N công nhận phần đất có diện tích 18,8m² cho nguyên đơn.

Không đồng ý với bản án hành chính sơ thẩm, UBND quận N đã kháng cáo và ngày 18/01/2022 Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã bác kháng cáo và giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

Việc UBND quận N điều chỉnh phần diện tích 92,2m² còn lại của nguyên đơn thành đường đi dựa trên Tờ cam kết do ông T1 giả mạo chữ ký, chữ viết đề ngày 11/7/2013 và Công văn số 2569 của Chủ tịch UBND quận N là trái pháp luật, đã gây ra rất nhiều thiệt hại cho nguyên đơn, trong đó có chi phí đi lại, in ấn tài liệu, gửi đơn thư trong quá trình tố cáo, kiến nghị, chi phí khai thác thông tin đất đai và chi phí thuê người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp tại Tòa án nhân dân các cấp trong giai đoạn khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính và giai đoạn yêu cầu bồi thường thiệt hại. Vì vậy nguyên đơn khởi kiện yêu cầu buộc Nhà nước (Ủy ban nhân dân quận N) bồi thường số tiền 62.440.000 đồng (sáu mươi hai triệu bốn trăm bốn mươi ngàn đồng):

1. Chi phí gửi đơn thư trong quá trình tố cáo, kiến nghị là 110.000 đồng (một trăm mười ngàn đồng);

2. Chi phí photo tài liệu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng);

3. Chi phí khai thác thông tin đất đai 350.000 đồng (ba trăm năm mươi ngàn đồng);

4. Chi phí 02 lần thuê xe đi lại để tham gia phiên tòa phúc thẩm tại Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng);

5. Chi phí thuê người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trong giai đoạn khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính tại Tòa án cấp sơ thẩm 16.500.000 đồng (mười sáu triệu năm trăm ngàn đồng)

6. Chi phí thuê người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp tại Tòa án cấp phúc thẩm do UBND quận N có kháng cáo 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng)

7. Chi phí thuê người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trong giai đoạn yêu cầu bồi thường thiệt hại 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng)

8. Thu nhập thực tế bị mất trong giai đoạn khiếu nại, tố cáo và giai đoạn tham gia tố tụng tại Tòa án nhân dân các cấp 1.280.000 đồng (8 ngày lương tối thiểu vùng) một ngày lương 160.000 đồng.

Giai đoạn khiếu nại, tố cáo, làm việc tại các cơ quan Nhà nước:

Ngày 07/12/2017 tham gia buổi họp tại Thanh tra thành phố Cần Thơ;

Ngày 06/9/2018 tham gia buổi tiếp công dân tại Ủy ban nhân dân quận N;

Ngày 04/11/2019 tham gia buổi họp tại Ban Q quỹ đất quận N

Giai đoạn tham gia tố tụng tại Tòa án nhân dân các cấp:

Ngày 30/9/2020 tham gia phiên tòa sơ thẩm tại Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ;

Các ngày 13/5/2021; 14/5/2021; 29/11/2021 tham gia phiên tòa phúc thẩm tại Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2025/DS-ST ngày 09/5/2025, Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ đã tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc Ủy ban nhân dân quận N có trách nhiệm bồi thường cho nguyên đơn số tiền 62.440.000 đồng (Sáu mươi hai triệu bốn trăm bốn mươi ngàn đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 23/5/2025, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 07/QĐ-VKS-DS kháng nghị phúc thẩm đối với Bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2025/DS-ST ngày 09/5/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ theo hướng sửa án sơ thẩm, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn gồm: Chi phí gửi đơn thư khiếu nại, tố cáo là 830.000 đồng (bao gồm chi phí gửi đơn thư 110.000 đồng, photo tài liệu 200.000 đồng và chi phí vé tàu, xe đi từ thành phố Cần Thơ đến Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh vào năm 2020 là khoảng 90.000-130.000 đồng/người, 02 người và 02 chuyến đi, về. Yêu cầu bồi thường thu nhập thực tế bị mất trong giai đoạn khiếu nại tố cáo và giai đoạn tham gia tố tụng tại Tòa án nhân dân các cấp ngày 30/9/2020 và ngày 14/5/2021 là 285.200 đồng. Căn cứ Điều 7, Điều 17, Điều 22, Điều 28, Điều 52, Điều 53 và Điều 55 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, khoản 2 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự, áp dụng các quy định tại Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 và Nghị định số 157/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ và Thông tư liên tịch số 191/2014/TTLT-BTC-BTP của Bộ T2 và Bộ Tư pháp yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chỉ có căn cứ để chấp nhận một phần với tổng số tiền là 1.115.200 đồng.

Ngày 14/7/2025, Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ nhận được đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị T ghi ngày 10/7/2025 kháng cáo toàn bộ bản án, đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc Nhà nước do UBND quận N đại diện bồi thường số tiền 62.440.000 đồng cho ông bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm Viện kiểm sát nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh vẫn giữ nguyên Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 07/QĐ-VKS-DS ngày 23/5/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ. Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ông H1 trình bày và ý kiến bằng văn bản của ông D: Theo nội dung Bản án, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định rằng nguyên đơn căn cứ vào các Bản án hành chính sơ thẩm và Bản án hành chính phúc thẩm để làm cơ sở cho việc yêu cầu bồi thường thiệt hại là không phù hợp với khoản 5 Điều 3 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước (viết tắt là TNBTCNN) năm 2017. Đồng thời, nội dung các Bản án trên không xác định người bị thiệt hại thuộc trường hợp được Nhà nước bồi thường Mục 3, trang 8 Bản án dân sự sơ thẩm. Bên cạnh đó, bị đơn đã chấp hành xong Bản án đã có hiệu lực của Tòa án, đã thu hồi đất, bồi thường và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H, bà T, quyền lợi của nguyên đơn đã được giải quyết nên không có thiệt hại xảy ra, không có cơ sở để yêu cầu bồi thường thiệt hại. Việc Tòa án cấp sơ thẩm nhận định như trên để bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H, bà T là chưa đúng theo quy định của pháp luật, bởi những lẽ sau:

Thứ nhất, về căn cứ yêu cầu bồi thường thiệt hại: Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017, căn cứ xác định hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ gây thiệt hại và yêu cầu bồi thường tương ứng bao gồm: *“Có văn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường theo quy định của Luật này và có yêu cầu cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại hoặc Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án dân sự giải quyết yêu cầu bồi thường”*.

Tại Bản án sơ thẩm số 34/2020/HC-ST ngày 30/9/2020 của TAND thành phố Cần Thơ và Bản án phúc thẩm số 71/2022/HC-PT ngày 18/01/2022 của TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đều xác định rõ Công văn số 2569/UBND-TD ngày 04/7/2018 của Chủ tịch UBND quận N (Công văn số 2569) là quyết định hành chính bị kiện; Hành vi từ chối cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND quận N là hành vi hành chính bị kiện (mục số 1 trang 6 Bản án hành chính sơ thẩm; mục số 1 trang 7 Bản án hành chính phúc thẩm). Cả hai bản án nêu trên đều tuyên hủy Công văn số 2569 của Chủ tịch UBND quận N, buộc UBND quận N thực hiện thủ tục thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với phần đất có diện tích 74,3m² và công nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 18,8m² còn lại cho ông H, bà T. Đồng nghĩa, các quyết định hành chính, hành vi hành chính trên là trái pháp luật.

Đối chiếu với quy định tại khoản 1 Điều 8 Luật TNBTCNN năm 2017, văn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường trong hoạt động quản lý hành chính gồm: *“Bản án, quyết định của Tòa án có thẩm quyền xác định rõ hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ”*. Qua đó, có thể xác định các bản án hành chính sơ thẩm và phúc thẩm chính là văn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường theo quy định của Luật TNBTCNN năm 2017. Do vậy, nhận định trên của Tòa án cấp sơ thẩm là không đúng với quy định pháp luật.

Thứ hai, về thiệt hại thực tế của ông H, bà T: Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng phía bị đơn đã chấp hành xong Bản án có hiệu lực của Tòa án nên không có thiệt

hại xảy ra đối với nguyên đơn. Trong khi đó, các quyết định hành chính, hành vi hành chính trái pháp luật của Chủ tịch UBND quận N và UBND quận N đã gây ra những thiệt hại cho ông H, bà T như: Chi phí đi lại, in ấn tài liệu, gửi đơn thư trong quá trình khiếu nại, tố cáo; chi phí thuê người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trong giai đoạn khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính và khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại; thu nhập thực tế bị mất...với tổng số tiền là 62.440.000 đồng (*sáu mươi hai triệu bốn trăm bốn mươi ngàn đồng*). Những thiệt hại trên thuộc phạm vi trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong hoạt động hành chính theo quy định tại khoản 11 Điều 17 Luật TNBTCNN năm 2017. Theo đó, Nhà nước có trách nhiệm bồi thường trong các trường hợp sau đây: “*Giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trái pháp luật; bồi thường, hỗ trợ; giải phóng mặt bằng, tái định cư trái pháp luật; cấp hoặc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất trái pháp luật*”.

Vậy nên, việc UBND quận N chấp hành xong Bản án của Tòa án không liên quan đến những thiệt hại của ông H, bà T. Bởi đây là trách nhiệm của UBND quận N mà lẽ ra phải thực hiện ngay từ ban đầu chứ không phải đợi đến khi có Bản án có hiệu lực của Tòa án thì mới thực hiện. Trên thực tế, ông H, bà T phải chịu thiệt hại để khiếu nại, khiếu kiện các quyết định hành chính, hành vi hành chính trái pháp luật nêu trên của UBND quận N cũng như Chủ tịch UBND quận N để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do vậy, nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm về việc người bị kiện đã chấp hành xong Bản án sơ thẩm nên không có thiệt hại phát sinh đối với ông H, bà T là không phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ: Tại Quyết định số 07/QĐ-VKS-DS, Viện trưởng VKSND thành phố Cần Thơ đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm. Nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ nêu trên có một phần chưa đúng quy định pháp luật. Bởi những cơ sở như sau:

Thứ nhất, đối với chi phí thuê người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Căn cứ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 28 Luật TNBTCNN năm 2017: “*Chi phí thuê người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị thiệt hại được thanh toán theo hợp đồng thực tế nhưng không quá mức thù lao do Chính phủ quy định đối với luật sư tham gia tố tụng theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng và chỉ thanh toán cho một người bào chữa hoặc một người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị thiệt hại tại một thời điểm*”. Theo đó, chi phí thuê người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị thiệt hại được thanh toán dựa trên hợp đồng thực tế. Cách tính chi phí dựa trên mức thù lao do Chính phủ quy định mà đại diện Viện kiểm sát đã viện dẫn chỉ áp dụng đối với trường hợp “*Luật sư tham gia tố tụng theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng*” trong vụ án hình sự được quy định tại Điều 19 Nghị định số 123/2013/NĐ-CP. Trên thực tế, ông H, bà T đã bỏ ra tổng số tiền là 56.500.000 đồng để thuê người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình thông qua các hợp đồng dịch vụ pháp lý đã cung cấp cho Tòa án nên đây không phải trường hợp luật sư tham gia tố tụng

theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng. Bên cạnh đó, luật sư cũng tham gia đầy đủ các phiên tòa xét xử sơ thẩm, phúc thẩm vụ án “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính*” cũng như phiên tòa sơ thẩm vụ án “*Yêu cầu bồi thường thiệt hại do quyết định hành chính, hành vi hành chính gây ra*”, điều này được ghi nhận rõ trong các bản án. Do vậy, yêu cầu của ông H, bà T đối với phần chi phí thuê người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là hoàn toàn có cơ sở.

Thứ hai, đối với các chi phí còn lại: Các chi phí còn lại bao gồm chi phí đi lại, in ấn tài liệu, gửi đơn thư trong quá trình khiếu nại, tố cáo đã phát sinh trên thực tế và thu nhập thực tế bị mất đều thuộc nhóm các thiệt hại được bồi thường theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Luật TNBTCNN năm 2017. Tuy nhiên, đại diện VKSND thành phố Cần Thơ cho rằng chỉ đủ cơ sở để chấp nhận một phần. Phần còn lại không chấp nhận bao gồm:

Chi phí đi lại: Chi phí 02 lần thuê xe đi lại để ông H, bà T tham gia phiên tòa phúc thẩm tại Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là 4.000.000 đồng. Đối với hai khoản chi phí này, mặc dù không có hoá đơn, chứng từ chứng minh nhưng có thật trên thực tế và vẫn được bồi thường theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 28 Luật TNBTCNN năm 2017 quy định: “...*Trong trường hợp người yêu cầu bồi thường không xuất trình được hoá đơn, chứng từ hợp pháp đối với chi phí đi lại, in ấn tài liệu thì chi phí được bồi thường không quá 06 tháng lương cơ sở tại thời điểm quy định tại khoản 2 Điều 22 Luật TNBTCNN năm 2017*”. Theo đó, yêu cầu về phần chi phí này của ông H, bà T là có cơ sở để chấp nhận toàn bộ nhưng VKSND thành phố Cần Thơ chỉ chấp nhận một phần với số tiền là 520.000 đồng

Về thu nhập thực tế bị mất trong giai đoạn khiếu nại, tố cáo và giai đoạn tham gia tố tụng tại Tòa án nhân dân các cấp:

Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình trước các quyết định hành chính, hành vi hành chính trái pháp luật của UBND quận N và Chủ tịch UBND quận N, ông H, bà T phải bỏ tổng cộng 08 ngày làm việc để tham dự các phiên tòa, phiên họp và các buổi làm việc với cơ quan Nhà nước. Đối với các ngày trên, đại diện VKSND thành phố Cần Thơ cho rằng việc tham dự là quyền của đương sự, không phải thủ tục bắt buộc nên không phải là thiệt hại phát sinh trực tiếp do hành vi hành chính trái pháp luật. Tuy nhiên, để bảo vệ quyền lợi của mình, ông H, bà T buộc phải bỏ công việc để sắp xếp thời gian tham gia các buổi làm việc, buổi họp, phiên tòa xét xử tại Tòa án nhân dân các cấp. Do các khoản thu nhập thực tế trên là thiệt hại được bồi thường nên căn cứ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 24 Luật TNBTCNN năm 2017, thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút của người bị thiệt hại là cá nhân được xác định như sau: “*Thu nhập không ổn định theo mùa vụ được xác định là thu nhập trung bình của lao động cùng loại tại địa phương trong khoảng thời gian thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút. Nếu không xác định được thu nhập trung bình của lao động cùng loại tại địa phương thì thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút được bồi thường là 01 ngày lương tối thiểu vùng tại nơi người bị thiệt hại cư trú cho 01 ngày bị thiệt hại. Ngày lương tối thiểu vùng được xác định là 01 tháng lương tối thiểu vùng do Nhà nước quy định chia cho 26 ngày*”.

Theo Nghị định số 38/2022/NĐ-CP ngày 12/6/2022 của Chính phủ quy định về mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động thì mức lương tối thiểu tại các quận thuộc thành phố Cần Thơ là 4.160.000 đồng/tháng, tương đương 160.000 đồng/ngày. Như vậy, tổng thu nhập thực tế mà ông H, bà T bị mất tương đương với 08 ngày làm việc là 1.280.000 đồng (*Một triệu hai trăm tám mươi ngàn đồng*). Tuy nhiên, đối với phần thiệt hại này, VKSND thành phố Cần Thơ chỉ chấp nhận một phần với số tiền là 285.200 đồng

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ. Sửa toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2025/DS-ST ngày 09/5/2025 của TAND thành phố Cần Thơ theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H và bà T, buộc Nhà nước do UBND quận N đại diện bồi thường cho ông H, bà T số tiền là 62.440.000 đồng.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm Viện kiểm sát nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nội dung: Xét Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 07/QĐ-VKS-DS ngày 23/5/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ và kháng cáo của ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị T

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 07/QĐ-VKS-DS ngày 23/5/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ, sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của các bên đương sự và quan điểm của đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm Viện kiểm sát nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Các đương sự đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định pháp luật.

[2] Xét Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 07/QĐ-VKS-DS ngày 23/5/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ và kháng cáo của ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Nguyên đơn là chủ sử dụng phần đất diện tích 593m² tại thửa đất số 25, tờ bản đồ số 30, địa chỉ đất tọa lạc tại Khu V, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 02052 do UBND quận N cấp ngày 01/9/2010. Ngày 31/5/2013, nguyên đơn chuyển nhượng một phần diện tích đất nêu trên cho ông Nguyễn Văn Đức H2 và bà Huỳnh Thị Ú và nguyên đơn đã ủy quyền cho ông Nguyễn Văn T1 thực hiện thủ tục đăng ký sang tên. Tuy nhiên, quá trình thực hiện thủ tục sang tên, ông T1 đã giả mạo chữ ký của nguyên đơn để làm Tờ cam kết ngày 11/7/2013 đồng ý bỏ phần diện tích 92,2m² đất của nguyên đơn làm lối đi và được Phó Chủ tịch UBND phường A là ông Mai Văn H3 xác nhận. Từ đó, UBND quận N đã điều chỉnh phần diện tích 92,2m² đất của nguyên đơn thành lối đi. Nguyên đơn đã khiếu nại và ngày 04/7/2018, Chủ tịch UBND quận N ban hành Công văn số 2569/UBND-TD (Công văn số 2569), theo đó cho rằng nguyên đơn phải mở lối đi cho các hộ dân phía sau khi chuyển nhượng quyền sử dụng đất nên không chấp nhận yêu cầu của ông H, bà T. Do đó, nguyên đơn đã khởi kiện yêu cầu hủy bỏ Công văn số 2569/UBND-TD, buộc UBND quận N thực hiện thủ tục thu hồi, bồi thường, hỗ trợ tái định cư đối với phần đất 74,3m² và công nhận phần đất 18,8m² còn lại cho nguyên đơn. Tại các Bản án hành chính sơ thẩm số 34/2020/HC-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ và Bản án phúc thẩm vụ án hành chính số 71/2022/HC-PT ngày 18/01/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ông H tố cáo ông Mai Văn H3, Chủ tịch UBND phường A có hành vi xác nhận không đúng người đứng tên trong Tờ cam kết, giảm diện tích quyền sử dụng đất ngày 11/7/2013 là có cơ sở nhưng lại không điều chỉnh, thực hiện các thủ tục để đảm bảo quyền lợi của nguyên đơn mà tiếp tục ban hành văn bản gây bất lợi cho nguyên đơn. Từ đó, nguyên đơn khởi kiện, sau khi có bản án có hiệu lực thì UBND quận N thực hiện các thủ tục khôi phục quyền lợi của nguyên đơn. Để được khôi phục quyền lợi, nguyên đơn đã có quá trình khiếu nại, khởi kiện để tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trước những hành vi hành chính và quyết định hành chính trái pháp luật. Chi phí gửi đơn thư khiếu nại, tố cáo là 830.000 đồng bao gồm chi phí gửi đơn thư 110.000 đồng, photo tài liệu 200.000 đồng và chi phí vé tàu, xe đi từ thành phố Cần Thơ đến Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh vào năm 2020 khoảng 90.000-130.000 đồng/người, 02 người và 02 chuyến đi, về. Yêu cầu bồi thường thu nhập thực tế bị mất trong giai đoạn khiếu nại tố cáo và giai đoạn tham gia tố tụng tại Tòa án nhân dân các cấp ngày 30/9/2020 và ngày 14/5/2021 là 285.200 đồng. Căn cứ Điều 7, Điều 17, Điều 22, Điều 28, Điều 52, Điều 53 và Điều 55 Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, khoản 2 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng các quy định tại Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 và Nghị định số 157/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ và Thông tư liên tịch số 191/2014/TTLT-BTC-

BTP của Bộ T2 và Bộ Tư pháp yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chỉ có căn cứ để chấp nhận một phần với tổng số tiền là 1.115.200 đồng. Còn các yêu cầu khác không chấp nhận như chi phí khai thác thông tin đất đai là 350.000 đồng mà nguyên đơn cung cấp được hóa đơn, chứng từ, những việc khai thác thông tin này không là thiệt hại trực tiếp từ hành vi hành chính, quyết định hành chính của UBND quận N nên căn cứ điểm b khoản 1 Điều 7 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước yêu cầu này của nguyên đơn là không có cơ sở để chấp nhận.

[2.2] Về chi phí thuê người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp tại giai đoạn sơ thẩm, phúc thẩm vụ án hành chính và giai đoạn yêu cầu bồi thường là 56.500.000 đồng. Đối với chi phí này, căn cứ điểm c khoản 2 Điều 28 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước quy định: *“Chi phí thuê người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị thiệt hại được thanh toán theo hợp đồng thực tế nhưng không quá mức thù lao do Chính phủ quy định đối với luật sư tham gia tố tụng theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng và chỉ thanh toán cho một người bào chữa hoặc một người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị thiệt hại tại một thời điểm”*. Đối với mức thù lao do Chính phủ quy định đối với luật sư tham gia tố tụng theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng được quy định cụ thể tại khoản 1 Điều 19 Nghị định số 123/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 14/10/2013 được hướng dẫn cụ thể tại Thông tư liên tịch số 191/2014/TTLT-BTC-BTP của Bộ T2 và Bộ Tư pháp quy định về thù lao và chi phí cho luật sư trong trường hợp luật sư tham gia tố tụng theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng thì mức thù lao được trả cho 01 ngày làm việc của luật sư là 0,4 lần mức lương cơ sở do Chính phủ quy định. Do hồ sơ chưa thể hiện người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đã nghiên cứu hồ sơ và tham gia tố tụng trong bao nhiêu ngày, giờ làm việc có xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nên yêu cầu này của nguyên đơn là chưa đủ cơ sở để chấp nhận. Trường hợp nguyên đơn có chứng cứ mới để cung cấp và có yêu cầu sẽ được giải quyết trong vụ kiện khác.

[3] Từ những phân tích trên, Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 07/QĐ-VKS-DS ngày 23/5/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ có cơ sở và kháng cáo của ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị T chỉ có cơ sở chấp nhận một phần. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm Viện kiểm sát nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa và ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận phần phù hợp.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án, các đương sự không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 14 Điều 26; khoản 3 Điều 35; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 7, Điều 17, Điều 22, Điều 28, Điều 52, Điều 53 và Điều 55 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 và Nghị định số 157/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ và Thông tư liên tịch số 191/2014/TTLT-BTC-BTP của Bộ T2 và Bộ Tư pháp;

Căn cứ Điều 584 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 2 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao.

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân số 81/2025/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, Đối thoại tại Tòa án số 85/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 85/2025/UBTV QH15 phê chuẩn đề nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao về việc thành lập các Tòa phúc thẩm, Cục, Vụ và tương đương, cơ quan báo chí của Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 07/QĐ-VKS-DS ngày 23/5/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ.

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị T.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2025/DS-ST ngày 09/5/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

Tuyên xử:

1. Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T - Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Ủy ban nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ có trách nhiệm bồi thường cho ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị T số tiền là 1.115.200 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Dành quyền khởi kiện cho ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị T về chi phí thuê người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp tại giai đoạn sơ thẩm, phúc thẩm vụ án hành chính và giai đoạn yêu cầu bồi thường nếu cung cấp được chứng cứ về thời gian người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp nghiên cứu hồ sơ và tham gia tố tụng trong bao nhiêu ngày, giờ làm việc có xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền và có yêu cầu.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T - Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Ủy ban nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ phải nộp là 300.000 đồng.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA (NTCL).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)**

Đinh Ngọc Thu Hương